



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG BÌNH

**DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH TĂNG, TRUY LĨNH TIỀN PHỤ CẤP KHU VỰC THEO
THÔNG TƯ 23/2025/TT-BNV**

(Kèm theo Thông báo số 33 /UBND-VHXXH ngày 17/4/2026 của UBND xã Hương Bình)

S T T	Họ và tên	Số sổ lĩnh tiền	Tiền trợ cấp tháng 3/2026	Mức trợ cấp tháng 4/2026 sau điều chỉnh PCKV	Truy lĩnh PCKV từ tháng 01 đến tháng 03/2026	Tổng trợ cấp thực nhận tháng 4/2026	Thông tin CK
Tổng cộng			252,089,000	267,299,000	45,630,000	314,748,000	
TB suy giảm KNLD từ 21-60%			115,963,000	125,089,000	27,378,000	154,286,000	
1	Đặng Thị Sử	TM1108-1256	2,704,000	2,938,000	702,000	3,640,000	Nguyễn Thị Hương: 3707208001947 -
2	Lưu Văn Chuyên	TM1107-1038	2,521,000	2,755,000	702,000	3,457,000	Trần Thị Bình: 109003282066 - Ngan
3	Trần Văn Cần	TM1107-1037	2,704,000	2,938,000	702,000	3,640,000	Trần Văn Thường: 101879870715 - Ngan
4	Trần Thị Cúc	TM1107-1098	2,521,000	2,755,000	702,000	5,276,000	Trương Thị Tịnh: 3707215029395 -
5	Phan Thanh Mỹ	HK2586	2,704,000	2,938,000	702,000	3,640,000	Trần Thị Linh: 3707205256038 -
6	Võ Quốc Trinh	HK2583	2,704,000	2,938,000	702,000	3,640,000	Võ Văn Trinh: 3707208024805 -
7	Trần thị Hạ	HK2271	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Nguyễn Thị Thủy Hà: 3707205229931 -
8	Trần thị Linh	HK2571	2,437,000	2,671,000	702,000	3,373,000	Trần thị Linh: 3707205256038 -
9	Lê Thị Liên	HK2268	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Lê Thị Liên: 3707205322110 -
10	Võ thị Hoàn	HK2577	2,521,000	2,755,000	702,000	3,457,000	Nguyễn Trí Sâm: 3707205227811 -
11	Trần thị Thân	HK2280	2,612,000	2,846,000	702,000	3,548,000	Lê Thị Thùy Hằng: 103872986822 - Ngan
12	Dương Đình Thủy	HK2279	2,521,000	2,755,000	702,000	3,457,000	Võ Thị Hoà: 3707205320860 -
13	Nguyễn Trí Chương	HK2610	4,135,000	4,369,000	702,000	5,071,000	Nguyễn Trí Chương: 3707208012710 -
14	Phan thị Song	HK2618	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Nguyễn Thị Ngọc Liên: 103879460695 - Ngan
15	Bùi thị Hiếu	HK2275	2,437,000	2,671,000	702,000	3,373,000	Lê Hữu Hùng: 3902205076213 -
16	Phan Hữu Hiền	HK2294	3,418,000	3,652,000	702,000	4,354,000	Phan Thị Ngọc: 109878061459 - Ngan
17	Nguyễn Thị Cát	HK2272	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Dương Thị Nguyệt Anh: 3601205067731 -
18	Trần Văn Sơn	HK2308	4,757,000	4,991,000	702,000	5,693,000	Trần Văn Anh: 3707205322734 -
19	Đặng thị Thảo	HK2569	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Võ Văn Phong: 3707205241575 -
20	Nguyễn Hữu Nhân	HK2304	4,135,000	4,369,000	702,000	5,071,000	Lê Thị Đường: 101876189372 - Ngan
21	Võ Văn Nhận	HK2595	3,238,000	3,472,000	702,000	4,174,000	Võ Văn Thiên: 3707205186838 -
22	Nguyễn Đình Vận	HK2616	5,832,000	6,066,000	702,000	6,768,000	Trần Thị Tuyên: 3707208012240 -
23	Nguyễn Thị Nhân	HK2573	2,437,000	2,671,000	702,000	3,373,000	Nguyễn Thị Nhân: 3707249006397 -
24	Nguyễn Văn Lương	HK2307	4,492,000	4,726,000	702,000	5,428,000	Nguyễn Thị Nhung: 108877969509 - Ngan
25	Nguyễn Duy Đạt	HK2587	2,704,000	2,938,000	702,000	3,640,000	Nguyễn Duy Đạt : 3707208012480 -
26	Nguyễn Đình Sơn	HK2608	4,135,000	4,369,000	702,000	5,071,000	Nguyễn Đình Chinh: 3707999238999 -
27	Đặng Đức Thuộc	HK2282	2,704,000	2,938,000	702,000	3,640,000	Đặng Đức Thuộc: 3707249007150 -

S T T	Họ và tên	Số sổ lĩnh tiền	Tiền trợ cấp tháng 3/2026	Mức trợ cấp tháng 4/2026 sau điều chỉnh PCKV	Truy lĩnh PCKV từ tháng 01 đến tháng 03/2026	Tổng trợ cấp thực nhận tháng 4/2026	Thông tin CK
28	Nguyễn Xuân Cừ	HK2297	3,600,000	3,834,000	702,000	4,536,000	Lê Thị Giang: 9704229209114480353
29	Phan thị Thiên	HK2574	2,521,000	2,755,000	702,000	3,457,000	Đặng Đình Thành: 3707208015311 -
30	Nguyễn Thìn	HK2289	3,238,000	3,472,000	702,000	4,174,000	Nguyễn Văn Phong: 105867489116 - Ngan
31	Đặng Thị Thường	HK2568	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Đặng Thị Thường: 3707208017635 -
32	Phan thị Bá	HK2607	3,957,000	4,191,000	702,000	4,893,000	Đặng Hữu Tuấn: 3707205338077 -
33	Trần Minh Huệ	HK2284	2,879,000	3,113,000	702,000	3,815,000	Lê Thị Liên: 3707205322110 -
34	Lê Đăng Hương	HK2281	2,612,000	2,846,000	702,000	3,548,000	Lê Đăng Hương: 104881149867 - Ngan
35	Đào thị Xuân	HK2580	2,521,000	2,755,000	702,000	3,457,000	Đào thị Xuân: 3707208011050 -
36	Lê Thanh Tân	HK1768	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Lê Thị Hoa: 2000010102006 -
37	Lê Đăng Quế	HK2285	2,973,000	3,207,000	702,000	3,909,000	Lê Thị Tinh: 109870940428 - Ngan
38	Đặng thị Hồng	HK2270	2,346,000	2,580,000	702,000	3,282,000	Nguyễn Tiến Dũng: 3707215028748 -
39	Lê thị Thanh	HK2576	2,521,000	2,755,000	702,000	3,457,000	Lê thị Thanh: 3707249002770 -
TB suy giảm KNLD từ 61-80%			25,474,000	26,410,000	2,808,000	29,218,000	
1	Nguyễn Quốc Hùng	HK2315	6,549,000	6,783,000	702,000	7,485,000	Nguyễn Thành Trung: 198129288888 - Ngan
2	Đặng Duy Hoàn	HK3437	5,918,000	6,152,000	702,000	6,854,000	Đặng Quang Hoàn: 3707208012569 -
3	Phan Văn Thành	HK2314	6,458,000	6,692,000	702,000	7,394,000	Phan Hữu Minh: 105879870711 - Ngan
4	Hồ Vĩnh Phúc	HK2316	6,549,000	6,783,000	702,000	7,485,000	Hồ Vĩnh Phúc: 3707249007167 -
TB suy giảm KNLD từ 61-80%			9,107,000	9,341,000	702,000	10,043,000	
1	Phan Văn Huệ	HK2621	9,107,000	9,341,000	702,000	10,043,000	Đậu Thị Thanh: 3707208012228 -
BB suy giảm KNLD từ 41-50%			6,758,000	7,226,000	1,404,000	8,630,000	
1	Đặng thị Hưng	HK2628	3,379,000	3,613,000	702,000	4,315,000	Nguyễn Đình Chinh: 3707999238999 -
2	Nguyễn Việt Sinh	HK2629	3,379,000	3,613,000	702,000	4,315,000	Nguyễn Việt Sinh : 3707208012500 -
BB suy giảm KNLD từ 51-60%			4,095,000	4,329,000	702,000	5,031,000	
1	Lê Xuân yuy (Thụy)	HK2323	4,095,000	4,329,000	702,000	5,031,000	Phan Thị Gái: 106007042050 - Ngan
BB suy giảm KNLD từ 61-70%			76,350,000	79,860,000	10,530,000	90,390,000	
1	Trần Văn Minh	HK2638	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Trần Thanh Minh: 3707249005972 -
2	Nguyễn Thanh Trúc	HK2329	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Nguyễn Thanh Trúc: 3707231040187 -
3	Nguyễn Trí Hiệp	HK2634	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Nguyễn Trí Hiệp: 3707249001329 -
4	Dương Hồng Thát	HK2335	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Lê Thị Kim Oanh: 105005271140 - Ngan
5	Dương Danh Phong	HK2334	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Dương Danh Phong: 3707205128621 -
6	Phan Ngọc Sơn	HK2636	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Phan Ngọc Sơn: 3707249001437 -
7	Đình Việt Thê	HK2333	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Đình Việt Thê: 3707249007377 - Ngan
8	Trần Hữu Lĩnh	HK2327	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Trần Hữu Lĩnh: 3707205230999 -

S T T	Họ và tên	Số sổ lĩnh tiền	Tiền trợ cấp tháng 3/2026	Mức trợ cấp tháng 4/2026 sau điều chỉnh PCKV	Truy lĩnh PCKV từ tháng 01 đến tháng 03/2026	Tổng trợ cấp thực nhận tháng 4/2026	Thông tin CK
9	Lê Văn Lập	HK2330	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Lê Thị Tuyền: 106002174590 - Ngan
10	Vũ Đình Trãi	HK2340	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Trần Thị Hào: 3707208017165 -
11	Trần Đức Tính	HK2341	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Trần Đức Tính: 3707921071949 -
12	Nguyễn Hoán	HK2324	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Nguyễn Thị Hương: 3707215004683 -
13	Phan Minh Tuệ	HK2635	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Phan Minh Tuệ: 3707205304597 -
14	Đặng Văn Thanh	HK2640	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Đặng Văn Thanh: 3707208017670 -
15	Đặng Đình Trí	HK2639	5,090,000	5,324,000	702,000	6,026,000	Đặng Đình Trí: 3707208004236 -
BB suy giảm KNLD từ 71-80%			11,594,000	12,062,000	1,404,000	13,466,000	
1	Trần Khắc Nghị	HK2630	5,797,000	6,031,000	702,000	6,733,000	Trần Khắc Nghị: 3707208012409 -
2	Võ Văn Trung	HK2642	5,797,000	6,031,000	702,000	6,733,000	Võ Thị Hà: 3707236662888 -
TB B suy giảm KNLD từ 21-60%			2,748,000	2,982,000	702,000	3,684,000	
1	Phan Văn Đề	HK2625	2,748,000	2,982,000	702,000	3,684,000	Phan Đề: 3707249001227 -



**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG BÌNH**

**DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH GIÁM TIỀN PHỤ CẤP KHU VỰC, TRUY THU TIỀN PHỤ
CẤP KHU VỰC TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 03/2026 THEO THÔNG TƯ 23/2025/TT-BNV**

(Kèm theo Thông báo số 33 /UBND-VHXH ngày 17/4/2026 của UBND xã Hương Bình)

S T T	Họ và tên	Số số linh tiền	Tiền trợ cấp tháng 03/2026	Mức trợ cấp tháng 4/2026 sau điều chỉnh PCKV	Truy thu tiền chênh lệch PCKV từ tháng 01 đến tháng 03/2026	Tổng trợ cấp thực nhận tháng 4/2026	Thông tin CK
Tổng cộng			283,500,000	268,758,000	40,014,000	228,744,000	
TB suy giảm KNLD từ 21-60%			95,306,000	89,222,000	18,252,000	70,970,000	
1	Phan Văn Thìn	TM1108-1255	3,080,000	2,846,000	702,000	2,144,000	Phan Văn Thìn: 3707205236631 -
2	Lê Đăng Trị	TM1108-1252	3,347,000	3,113,000	702,000	2,411,000	Lê Đăng Trị: 3707123345456 -
3	Bạch Đình Khương	TM201102-237	2,989,000	2,755,000	702,000	2,053,000	trần Thị Hằng: 3707205091928 -
4	Đặng Văn Dương	HK2444	4,425,000	4,191,000	702,000	3,489,000	Đặng Thị Liên: 3707205222801 -
5	Đậu Đình Lâm	HK2450	4,689,000	4,455,000	702,000	3,753,000	Phan Thị Hằng: 3707619691969 -
6	Phan thị Tương	HK2438	4,153,000	3,919,000	702,000	3,217,000	Thái Văn Thân: 3707249007252 -
7	Trần thị Ân	HK2414	2,989,000	2,755,000	702,000	2,053,000	Đậu Đình Nghị: 3707208021054 -
8	Trần thị Viện	HK2458	4,335,000	4,101,000	702,000	3,399,000	Thái Thị Nhung: 3707205174930 -
9	Nguyễn Văn Minh	HK2437	4,068,000	3,834,000	702,000	3,132,000	Nguyễn Thị Dung: 102879452161 - Ngan
10	Phan Trọng Thìn	HK2409	2,814,000	2,580,000	702,000	1,878,000	Phạm Thị Linh: 3707205219133 -
11	Nguyễn thị Thu	HK2421	2,989,000	2,755,000	702,000	2,053,000	Phạm Đình Hải: 3707205155177 -
12	Nguyễn thị Quang	HK2408	2,814,000	2,580,000	702,000	1,878,000	Nguyễn thị Quang: 1300206491123 -
13	Phạm Hữu Lộc	HK2448	4,603,000	4,369,000	702,000	3,667,000	Phạm Đình Hải: 3707205155177 -
14	Đặng thị Mai	HK2412	2,905,000	2,671,000	702,000	1,969,000	Đặng Thị Linh: 3707205277810 -
15	Bạch Đình Lập	HK2451	5,049,000	4,815,000	702,000	4,113,000	Bạch Đình Lập: 3707249008203 -
16	Nguyễn thị Liên	HK2417	2,989,000	2,755,000	702,000	2,053,000	Nguyễn Thị Hoa: 100871482117 - Ngan
17	Nguyễn Văn Nhung	HK2443	4,335,000	4,101,000	702,000	3,399,000	Nguyễn Văn Nhung: 3707231027399 -
18	Đặng Thị Mỹ Thương	HK2422	2,989,000	2,755,000	702,000	2,053,000	Trần Thị Túy: 3707205336695 -
19	Nguyễn thị Lan	HK2413	2,905,000	2,671,000	702,000	1,969,000	Nguyễn Thị Dung: 102879452161 - Ngan
20	Phan thị Hoà	HK2415	2,989,000	2,755,000	702,000	2,053,000	Nguyễn Đăng Hương: 3707205330790 -
21	Trần Quốc Huân	HK2434	3,886,000	3,652,000	702,000	2,950,000	Phan Thị Thế: 3707205373583 -
22	Lê Đăng Phác	HK2440	4,240,000	4,006,000	702,000	3,304,000	Lê Thị Sen: 3707205089404 -
23	Nguyễn Viết Định	HK2447	4,603,000	4,369,000	702,000	3,667,000	Nguyễn Thị Dung: 9704229238596956 -
24	Đặng Văn Đích	HK2428	3,706,000	3,472,000	702,000	2,770,000	Đặng Văn Việt: 3707205340289 -
25	Phạm Văn Hoàn	HK2425	3,080,000	2,846,000	702,000	2,144,000	Phạm Văn Bình: 3703205055037 -
26	Phan ánh Hồng	HK2442	4,335,000	4,101,000	702,000	3,399,000	Phan ánh Hồng: 3707205145608 -

S T T	Họ và tên	Số số lĩnh tiền	Tiền trợ cấp tháng 03/2026	Mức trợ cấp tháng 4/2026 sau điều chỉnh PCKV	Truy thu tiền chênh lệch PCKV từ tháng 01 đến tháng 03/2026	Tổng trợ cấp thực nhận tháng 4/2026	Thông tin CK
TB suy giảm KNLD từ 61-80%			39,836,000	37,028,000	4,212,000	32,816,000	
1	Nguyễn Trung Hoà	HK2461	6,386,000	6,152,000	702,000	5,450,000	Nguyễn Tất Thắng: 100879140355 - Ngan
2	Lê Đức Ước	HK2462	6,386,000	6,152,000	702,000	5,450,000	Đặng Thị Nhuận: 3707249007200 -
3	Bùi Hứa	HK2465	7,906,000	7,672,000	702,000	6,970,000	Trần Thị Lại: 3707205112571 -
4	Phạm Đình Thanh	HK2459	6,386,000	6,152,000	702,000	5,450,000	Phạm Đình Thanh: 3707249006794 -
5	Bạch Đình Bình	HK2464	6,386,000	5,450,000	702,000	4,748,000	Phan Thị Hương: 3707205269653 -
6	Lê Đăng Diện	HK2463	6,386,000	5,450,000	702,000	4,748,000	Lê Đăng Trọng: 0381000561827 -
TB suy giảm KNLD từ 81% trở lên			28,725,000	28,023,000	2,106,000	25,917,000	
1	Trần Quốc Hiên	HK2469	9,575,000	9,341,000	702,000	8,639,000	Trần Thị Hải: 3707215015854 -
2	Trần Xuân Hội	HK2467	9,575,000	9,341,000	702,000	8,639,000	Nguyễn Thị Anh: 3707205188039 -
3	Đậu Đình An	HK2468	9,575,000	9,341,000	702,000	8,639,000	Đậu Đình An: 108880902795 - Ngan
BB suy giảm KNLD từ 51-60%			9,126,000	8,658,000	1,404,000	7,254,000	
1	Trần Bá Lục	HK2472	4,563,000	4,329,000	702,000	3,627,000	Phạm Thị Tuyên: 3707205310793 -
2	Lê thị Lý	HK2474	4,563,000	4,329,000	702,000	3,627,000	Lê thị Lý: 3707231027426 -
BB suy giảm KNLD từ 61-70%			88,928,000	85,184,000	11,232,000	73,952,000	
1	Trần Văn Lý	HK2499	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Trần Văn Lý: 3707208023991 -
2	Nguyễn Minh Toàn	HK2497	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Minh Toàn: 3707205209435 -
3	Nguyễn Đình Liên	HK2476	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Xuân Trường: 3707215015848 -
4	Nguyễn Đình Thám	HK2493	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Đình Thám: 3707205295023 -
5	Đặng Đình Thuận	HK2491	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Đặng Thị Linh: 3707205277810 -
6	Nguyễn Văn Thành	HK2477	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Thị Nhung: 103874054069 - Ngan
7	Đoàn Ngọc Báu	HK2487	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Thị Dân: 3707205162796 -
8	Trần Tuyên Quang	HK2498	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Trần Tuyên Quang: 6010101953 - Ngan
9	Trần Sỹ Hoà	HK2481	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Trần Sỹ Hoà : 100006457760
10	Nguyễn Văn Hội	HK2482	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Văn Hội: 3707231027780 -
11	Nguyễn Quang Hợp	HK2492	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Quang Hợp: 3707205139765 -
12	Nguyễn Đình Phú	HK2480	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Đình Phú: 3707205262365 -
13	Phạm Hồng Phượng	HK2490	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Phạm Hồng Phượng: 3707205282169 -
14	Nguyễn Đình Phượng	HK2483	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Đình Phượng: 3707205262126 -
15	Nguyễn Trọng Hương	HK2500	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Thị Liệu: 3707205096343 -
16	Phạm Hữu Thống	HK2485	5,558,000	5,324,000	702,000	4,622,000	Nguyễn Thị Tứ: 3707215037291 -
BB suy giảm KNLD từ 71-80%			18,795,000	18,093,000	2,106,000	15,987,000	
1	Nguyễn Văn Sơn	HK2479	6,265,000	6,031,000	702,000	5,329,000	Nguyễn Văn Sơn: 3707231027636 -

S T T	Họ và tên	Số sổ lĩnh tiền	Tiền trợ cấp tháng 03/2026	Mức trợ cấp tháng 4/2026 sau điều chỉnh PCKV	Truy thu tiền chênh lệch PCKV từ tháng 01 đến tháng 03/2026	Tổng trợ cấp thực nhận tháng 4/2026	Thông tin CK
2	Bạch Xuân Kính	HK2502	6,265,000	6,031,000	702,000	5,329,000	Đặng Thị Kiệt: 3707205108414 -
3	Đặng Đình Trọng	HK2501	6,265,000	6,031,000	702,000	5,329,000	Nguyễn Trọng Anh: 3707215035398 -
TB B suy giảm KNLD từ 21-60%			2,784,000	2,550,000	702,000	1,848,000	
1	Hồ Sỹ Cường	HK2470	2,784,000	2,550,000	702,000	1,848,000	Hồ Sỹ Cường: 3707205398561 -

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG BÌNH

**DANH SÁCH TẠM DỪNG CHI TRẢ TIỀN PHỤ CẤP KHU VỰC DO HƯỞNG CHẾ ĐỘ
HƯU TRÍ, CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI THEO THÔNG TƯ 23/2025/TT-BNV**

(Kèm theo Thông báo số 33 /UBND-VHXXH ngày 17/4/2026 của UBND xã Hương Bình)

S T T	Họ và tên	Số sổ lĩnh tiền	Mức trợ cấp tháng 03/2026	Mức trợ cấp tháng 04/2026 sau khi tạm dừng chi trả PCKV	Ghi chú	Thông tin CK
Tổng cộng						
TB suy giảm KNLD từ 21-60%			25,216,000	25,216,000		
1	Nguyễn Thị Tam	1901108	3,238,000	2,770,000	Hưởng chế độ hưu trí	Nguyễn Thị Tam: 3707208020652 -
2	Nguyễn Việt Thọ	HK2598	3,418,000	2,950,000	Hưởng trợ cấp CB xã nghi việc do BHXH chi trả	Nguyễn Tuấn Anh: 3707215028856 -
3	Võ Văn Lưu	HK2613	4,221,000	3,753,000	Hưởng chế độ hưu trí	Võ Văn Lưu: 3707215029560 -
4	Đặng Đình Thành	HK2604	3,867,000	3,399,000	Hưởng chế độ hưu trí	Đặng Đình Thành: 3707208015311 -
5	Phan Văn Hùng	HK2302	4,135,000	3,667,000	Hưởng chế độ hưu trí	Phan Văn Hùng: 103879870713 -
6	Nguyễn Văn Hoàn	HK2273	2,346,000	1,878,000	Hưởng chế độ hưu trí	Nguyễn Hữu Hải: 3707205199659 -
7	Phan Kim Cương	HK2600	3,600,000	3,132,000	Hưởng trợ cấp CB xã nghi việc do BHXH chi trả	Phan Thị Loan: 3707205130176 -
8	Phạm Xuân Linh	HK3469	4,135,000	3,667,000	Hưởng chế độ hưu trí	Phạm Xuân Linh: 3707205054083 -
BB suy giảm KNLD từ 71-80%			36,186,000	5,329,000		
1	Võ Văn Cần	HK2641	5,797,000	5,329,000	Hưởng chế độ hưu trí	Võ Văn Cần: 3707205281528 -
TB B suy giảm KNLD từ 21-60%			10,786,000	1,552,000		
1	Phan Công Đường	HK2624	2,020,000	1,552,000	Hưởng chế độ hưu trí	Trần Thị Thuyết: 3707205251533 -